

Số: 256/2020/QĐST-HNGĐ

Ba Tri, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Lê Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 175 ngày 21/9/2005 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Lê Văn Q, sinh ngày 11/11/2001 (đã trưởng thành) và cháu Lê Thành N1, sinh ngày 03/6/2009 hiện sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Thành N1, sinh ngày 03/6/2009 cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không tranh chấp.

- Về nợ chung: hai bên khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Lê Thị N đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000102 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, sau khi khấu trừ, chị N được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- [UBND xã E](#);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn